

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **131/2024/DS-PT**
Ngày 05/4/2024.
V/v: "*Tranh chấp tài sản*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2024/QĐPT-DS ngày 13/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B – Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 865A đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Minh Ph, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2.2 Ông Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Trần Quang Ký; địa chỉ: Số nhà 261 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.2 Ông Nguyễn Ngọc Kh; địa chỉ: Số nhà 77 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.3 Ông Hoàng Trọng H; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.4 Ông Lê Ngọc T; địa chỉ: Số nhà 142 N, tổ dân phố 1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.5 Ông Vũ Hồng Ng; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2013 tôi và ông Đ, ông Ph chung nhau (thoả thuận miệng) đầu tư đường điện ba pha tại Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để bán lại điện cho người dân để sử dụng, đường điện có quy mô gồm trạm biến áp 100 kva, đường dây điện và trụ điện dài khoảng 1,5 km. Chúng tôi thoả thuận mỗi người dân có nhu cầu sử dụng điện phải nộp tiền chi phí ban đầu để xây dựng đường điện từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng/hecta (gọi là tiền điện tích, tùy theo diện tích xa hoặc gần với trạm biến áp), với quy mô đường điện nói trên, chúng tôi chỉ bán cho người sử dụng điện với tổng diện tích 50 hecta. Thực hiện thoả thuận chúng tôi bán điện cho khoảng 30 hộ dân sử dụng với diện tích là 50 hecta và thu đầy đủ tiền điện tích. Sau khi thu tiền điện tích chúng tôi thống nhất chia đều cho ba người là tôi, ông Ph và ông Đ mỗi người 1/3 số tiền, ông Ph, ông Đ đã được nhận số tiền chia.

Từ năm 2017 đến năm 2018, một số hộ dân xung quanh lân cận đường điện có nhu cầu nên chúng tôi đồng ý bán thêm điện cho 14 hộ dân với diện tích là 16,34 hecta, số tiền các hộ này phải nộp tiền điện tích là 14.000.000 đồng/hecta. Tổng số tiền chúng tôi thu về là 232.960.000 đồng, sau đó đều chia đều cho ba người là tôi, ông Ph, ông Đ, mỗi người một phần bằng nhau là 77.653.000 đồng. Trước khi đồng ý bán điện cho thêm cho 14 hộ với diện tích 16,43 hecta, chúng tôi được 30 hộ dân đã sử dụng điện trước đó đồng ý, họ yêu cầu chúng tôi cam kết nếu sau này đường dây điện có sự cố thì cả 3 chúng tôi phải cùng chịu trách nhiệm và được 3 chúng tôi thống nhất, đồng ý nhưng không có văn bản ghi nhận.

Từ diện tích 50 hecta nhưng sau đó tăng thêm 16,43 hecta nên việc sử dụng điện bị quá tải, dẫn đến vào đầu năm 2021 trạm biến áp nói trên bị hư hỏng (bị nổ trạm), lúc đó tôi đã yêu cầu ông Ph và ông Đ cùng bỏ chi phí để sửa chữa, nâng cấp trạm biến áp nhưng họ không thực hiện. Nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của các hộ dân nên tạm thời một mình tôi đứng ra và bỏ tiền để chi trả thay thế trạm biến áp bằng một trạm biến áp với công suất lớn hơn là 250 kva, số tiền tôi bỏ ra để chi trả cho việc nâng cấp trạm biến áp là 290.000.000 đồng, việc mua vật tư, thi công thay thế trạm có hợp đồng, hoá đơn, phiếu thu rõ ràng.

Do đường dây điện nói trên là của ba người chung nhau, số tiền thu được từ việc thu tiền điện tích của người dân cũng được chia đều cho nhau nên sau khi thay thế trạm biến áp tôi đã yêu cầu ông Ph, ông Đ phải có trách nhiệm chịu chi phí nâng cấp thay thế trạm biến áp nhưng ông Ph, ông Đ không đồng ý, sự việc tranh chấp giữa chúng tôi đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện K hoà giải nhưng không thành. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph, ông Đ phải cho tôi tổng số tiền là 193.332.000 đồng, trong đó ông Ph và ông Đ mỗi người phải trả cho tôi số tiền là 96.666.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc V xác định giữa ông V, ông Ph và ông Đ chưa chấm dứt việc hợp tác làm đường điện vì khi trạm biến áp bị hư hỏng thì ông V, ông Ph và ông Đ cùng với đại diện các hộ dân sử dụng điện đã họp để bàn về việc thay thế trạm biến áp, ông Ph và ông Đ cũng đồng ý sẽ cùng ông V chịu chi phí thay thế hiện tại các biên bản họp tổ điện nhưng sau đó ông Ph, ông Đ lại không chịu trả tiền cho ông V. Số tiền điện tích thu được từ 50 hecta ban đầu và diện tích 16,43 hecta tăng thêm đều được chia đều cho ông Ph, ông Đ nên họ phải có trách nhiệm cùng chịu chi phí thay thế trạm. Đối với tiền chênh lệch giá điện thu các hộ sử dụng điện trong hai năm đầu đã chia cho ông Ph, ông Đ, từ năm thứ ba đến nay đều do ông V quản lý, sử dụng không chia cho ông Ph, ông Đ vì họ chưa trả tiền chi phí thay thế trạm, tiền chênh lệch giá điện để dùng vào việc duy tu, sửa chữa đường điện.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Kim Đ trình bày:

Vào năm 2013 tôi cùng ông V, ông Ph cùng chung nhau hợp tác, thỏa thuận bằng miệng mỗi bên góp vốn 50.000.000 đồng để kéo đường dây điện ba pha tại Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bán điện cho người dân sử dụng, đường dây điện có quy mô gồm trạm biến áp 100 kva, trụ điện và đường dây điện dài khoảng 1,5km. Sau khi hoàn thành đường dây chỉ có ông V nắm được số hộ dân cụ thể đấu nối vào đường dây điện, tôi không nắm số lượng cụ thể, khi các hộ dân đấu nối được ông V báo lại tôi mới được biết, ông V chia số tiền thu được thì tôi nhận nhưng do số hộ dân đấu nối không phải một lần nên số tiền chúng tôi được chia, chúng tôi không thống kê, không có giấy tờ cụ thể nên tôi không nhớ rõ đã được chia bao nhiêu tiền.

Đến năm 2018 khi có thêm một số hộ dân có nhu cầu sử dụng điện thì ông V cũng tự làm hợp đồng với các hộ dân, tự thu tiền điện tích, tự làm hợp đồng với điện lực, thu tiền điện cũng không thông qua tôi nên tôi hoàn toàn không biết điện tích tăng thêm bao nhiêu, không được chia tiền điện tích nên không còn liên quan gì đến đường điện, số tiền chênh lệch giá điện đều do ông V quản lý, sử dụng. Đến năm 2021 trạm biến áp hư hỏng nguyên nhân do quá tải, việc thay thế trạm biến áp cũng do ông V tự thực hiện, khi đó tôi không cũng đồng ý chịu chi phí vì đã không cùng hợp tác với ông V từ năm 2018 đến nay.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Kim Đ trình bày từ năm 2013 đến khoảng năm 2017 còn làm chung đường điện, từ năm 2018 đến nay không được chia bất kỳ khoản tiền nào, số tiền được chia trước đây ông Đ không nhớ rõ là bao nhiêu do đã lâu, việc thu chi tiền đều do ông V tự thực hiện, không minh bạch, từ năm 2018 đến

nay ông Đ cũng không có tranh chấp hay khiếu nại vì không còn liên quan đến đường điện, về số tiền chênh lệch giá điện từ sau hai năm đầu cho đến nay đều không được chia, nên ông V khởi kiện yêu cầu tôi phải thanh toán số tiền 96.666.000 đồng là không có căn cứ, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn Võ Minh Ph trình bày:

Vào năm 2013 tôi cùng anh V, ông Ph cùng hợp tác, thỏa thuận bằng miệng mỗi bên góp vốn 50.000.000 đồng để kéo đường dây điện ba pha tại Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để bán điện cho người dân sử dụng, đường dây điện có quy mô gồm trạm biến áp 100 kva, trụ điện và đường dây điện dài khoảng 1,5km. Sau khi hoàn thành đường dây chỉ có ông V nắm được số hộ dân cụ thể đấu nối vào đường dây điện, tôi không nắm số lượng cụ thể mọi việc chỉ thông qua ông V, ông V chia số tiền thu được thì tôi nhận, số hộ dân đấu nối không phải một lần nên số tiền chúng tôi được chia, chúng tôi không thống kê, không có giấy tờ cụ thể nên không nhớ đã được chia bao nhiêu tiền.

Đến năm 2018 khi có thêm một số hộ dân có nhu cầu sử dụng điện, ông V tự đứng ra làm hợp đồng với họ, tự thu tiền điện tích, thu tiền điện, tôi cũng không được chia tiền điện tích, tiền chênh lệch giá điện nên tôi không còn liên quan gì đến đường điện. Đến năm 2021 khi trạm biến áp hư hỏng thì ông V tự sửa chữa, thay thế, tại thời điểm đó tôi cũng không đồng ý sẽ chịu chi phí thay thế trạm. Nay ông V khởi kiện yêu cầu tôi phải thanh toán số tiền 96.666.000 đồng là không có căn cứ vì tôi đã không làm chung, không liên quan đến đường điện từ năm 2018 đến nay nên tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trần Quang Ký trình bày:

Tôi có quen biết với ông V, ông Ph và ông Đ, gia đình tôi có làm rẫy tại Thôn 1, xã C, huyện K, có mắc điện để phục vụ tưới tiêu từ đường dây điện ba pha của ông V, ông Ph, ông Đ, nộp tiền điện tích cho các ông, còn việc họ có thỏa thuận góp vốn, phân chia lợi nhuận ra sao thì tôi không rõ. Trước thời điểm nổ trạm biến áp việc thu tiền sử dụng điện đều đóng cho anh V, còn việc anh V quản lý, sử dụng tiền điện thế nào thì tôi không biết. Sau khi xảy ra sự cố nổ trạm biến áp thì anh V là người đứng ra thay thế trạm biến áp nhưng việc giữa họ có thỏa thuận mỗi người chịu bao nhiêu chi phí thay thế trạm thì tôi không biết, sau khi thay thế trạm biến áp và đến nay thì tiền sử dụng điện tôi vẫn đóng cho anh V, còn tiền điện tích ban đầu đều đóng cho anh V, không đóng cho anh Phương, anh Đạt. Tại các buổi làm việc họp tổ điện sau khi trạm biến áp nổ, tôi cũng có mặt nhưng tại các buổi họp giữa anh V, anh Phương, anh Đạt cũng không thống nhất được phương án thay thế, ai là người đứng ra thay thế, mỗi người phải chịu chi phí là bao nhiêu nên cuộc họp bất thành.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Khanh trình bày:

Tôi có quen biết với ông V, ông Ph, ông Đ, gia đình tôi có làm rẫy tại Thôn 1, xã C, huyện K, do có nhu cầu sử dụng điện để tưới tiêu nên tôi có mắc điện từ đường dây ba pha của ông V, ông Ph, ông Đ. Tôi làm hợp đồng với ông V, không

làm với ông Ph, ông Đ, tiền diện tích, tiền điện tôi đều đóng cho ông V, không đóng cho ông Ph, ông Đ, còn việc giữa ông V, ông Ph, ông Đ có góp vốn làm đường điện, chia lợi nhuận thế nào thì tôi không biết, đây là việc của họ. Khi trạm biến áp nổ thì ông V đứng ra thay thế trạm, còn việc tiền bạc giữa họ tôi không biết, việc họ có thoả thuận mỗi người phải chịu chi phí thay thế trạm bao nhiêu tôi không rõ, đường điện ba pha đều do anh V quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Hoàng Trọng H trình bày:

Tôi có quen biết với ông V, ông Ph, ông Đ, do gia đình tôi có làm rẫy tại khu vực lô 15, đội 1, nông trường Cư Kô, do có nhu cầu tưới tiêu nên có mắc điện từ đường điện ba pha của ông V, tôi mắc điện cách đây khoảng 7, 8 năm. Mọi việc từ ký hợp đồng, nộp tiền diện tích, tiền điện hàng tháng từ đó đến nay đều do anh Vang thực hiện, tôi chỉ nghe nói đường điện 3 pha là của ông V, ông Ph, ông Đ làm chung. Mỗi lần họp anh Phương, anh Đạt cũng có mặt, còn việc giữa ông V, ông Ph, ông Đ có thoả thuận góp vốn làm đường điện bao nhiêu tiền, thoả thuận chia lợi nhuận thế nào thì tôi không biết, đó là việc của họ.

Sau khi xảy ra sự cố nổ trạm biến áp, giữa ông V, ông Ph và ông Đ có thoả thuận việc ai sẽ chịu trách nhiệm thay thế, ai đứng ra thay thế trạm, mỗi người phải chịu chi phí bao nhiêu thì tôi không biết. Tôi chỉ biết là đại diện các hộ sử dụng điện có họp với tổ điện (ông V, ông Ph, ông Đ) để yêu cầu anh V khắc phục sự cố, khôi phục đường điện để có điện phục vụ sản xuất.

Tại thời điểm ngày 28/02/2021 tôi có tham gia và ký vào biên bản họp tổ điện, còn nội dung chi tiết cuộc họp tôi không thể nhớ hết được, chỉ nhớ là các bên bàn bạc về việc khắc phục sự cố nổ trạm biến áp nhưng đều không đi đến thống nhất vấn đề ai sẽ là người thay thế trạm biến áp, chịu chi phí thế nào, sau đó ông V là người đứng ra thay thế trạm biến áp. Sau khi nổ trạm biến áp và được khắc phục, từ đó đến bây giờ ông V là người thu tiền điện. Ông V thay thế trạm biến áp hết bao nhiêu tiền thì tôi không rõ, ông V, ông Ph và ông Đ mỗi người phải chịu bao nhiêu chi phí hay giữa họ có thoả thuận gì khác thì tôi không biết.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Lê Ngọc T trình bày:

Tôi có quen biết với ông V, ông Ph và ông Đ, do gia đình tôi có làm rẫy tại Thôn 1, xã C, huyện K và có mua điện từ đường điện ba pha của ông V. Tôi làm diện tích 2 hecta, tính mỗi hec ta 16.000.000 đồng tiền diện tích khi đầu nối điện, số tiền tôi đóng là 32.000.000 đồng, tôi đóng chia làm hai lần, theo đó tôi đóng cho anh Đạt 20.000.000 đồng còn 12.000.000 đồng tôi đóng cho cho anh Phương, tôi đã đóng đủ số tiền trên. Khi đó tôi có hỏi anh V tiền diện tích đóng cho ai thì anh V nói là đóng cho ai cũng được tức là đóng cho ông Ph, ông Đ hoặc ông V đều được, lúc tôi đóng tiền diện tích thì trạm biến áp chưa xảy ra sự cố, anh V, anh Phương, anh Đạt còn làm chung đường điện. Còn việc ông Ph, ông Đ và ông V có thoả thuận làm chung, góp vốn làm đường điện, quản lý, sử dụng, chia lợi nhuận thế nào thì tôi không biết vì đó là việc của họ.

Sau khi xảy ra sự cố nổ trạm biến áp giữa ông Ph, ông Đ và ông V có thoả thuận việc thay thế trạm biến áp như thế nào thì tôi không rõ, không biết họ thống

nhất ai sẽ là người đứng ra thay thế trạm, chỉ biết sau đó ông V đứng ra thay thế, việc họ có thoả thuận sẽ chia số tiền thay thế trạm hay không, mỗi người phải chịu bao nhiêu thì tôi không biết.

Sau khi trạm biến áp nổ từ đó đến nay, tiền sử dụng điện tôi đều đóng cho anh V, không đóng cho ông Ph hay ông Đ, trước thời điểm trạm biến áp nổ thì ông V cũng là người đi thu tiền điện, không phải ông Ph hay ông Đ.

Đối với người làm chứng ông Vũ Hồng Ng đã được Toà án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng ông Ng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông Ng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, khoản 1 Điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 504, 505, 507, 510, 512 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 96.666.000 đồng, tổng cộng là 193.332.000 đồng mà ông Nguyễn Ngọc V đã bỏ ra để thay thế trạm biến áp.

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án, sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

-*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

-*Về nội dung:* Với những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự có mặt tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem

xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V về yêu cầu: Buộc bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải trả cho ông số tiền 96.666.000 đồng, để thay thế trạm biến áp. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Xét việc góp tiền làm đường điện ba pha: Giữa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V và các bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph đều thừa nhận, vào năm 2013 các bên đã cùng nhau hợp tác đầu tư làm đường điện ba pha tại Thôn 1, xã C, huyện K, để bán lại điện cho người dân có nhu cầu sử dụng điện, đường dây điện ba pha có quy mô gồm 01 trạm biến áp 100 kva, đường dây điện và trụ điện dài khoảng 1,5km, theo đó ông V, ông Ph, ông Đ đã góp vốn mỗi người với số tiền 50.000.000 đồng, các bên thoả thuận mỗi người dân có nhu cầu sử dụng điện phải nộp tiền chi phí ban đầu để xây dựng đường điện là 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng trên 01 hecta (gọi là tiền điện tích). Việc đầu tư chỉ thoả thuận miệng, không có hợp đồng hay văn bản ghi nhận về quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến năm 2020 thì trạm biến áp 100 KVA bị nổ. Nguyên đơn ông V đứng ra chủ trì họp tổ điện vào ngày 28/02/2021, để bàn bạc giải quyết, trong buổi họp bàn hôm đó giữa ông V, ông Đ và ông Ph đã đi đến thống nhất “*khi nào có chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng sẽ thông báo cho nhân dân được biết*”, (BL số 23). Tiếp đến ngày 11/4/2021, tiếp tục họp tổ điện lần này vắng ông Đ nên giữa ông V và ông Ph không thống nhất được sự cố thay trạm biến áp 100 KVA bị nổ (BL số 26). Trước sức ép của các hộ dân cần có điện để tưới cà phê niên vụ 2021, buộc nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V phải ký, các hợp đồng kinh tế gồm: Hợp đồng kinh tế số: 05/2021/HĐKTTC-GT, ngày 15/4/2021, giữa bên A là ông Nguyễn Ngọc V với bên B là Công ty TNHH G do bà Nguyễn Hồ Gia L là người đại diện để “*thi công lắp đặt công trình, nâng dung lượng TBAT22KB lên 250k-22/0,4kV, với tổng số tiền mà bên A phải trả cho bên B là 95.480.400 đồng* (BL số 10 đến 13). Tiếp đến ông V ký hợp đồng kinh tế số: 05/2021/HĐKT-GTH-NNV, ngày 19/4/2021; giữa bên A là ông V với bên B là Công ty TNHH G do bà Nguyễn Hồ Gia Lai là người đại diện. Nội dung ông V mua thiết bị trạm biến áp 250 KVA-22/0,4V, với tổng số tiền là 194,519,6000 đồng, (BL số 06,07,08). Những chứng cứ này là có thật, các bên đương sự đều thừa nhận.

[1.2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy: Các bị đơn ông Đ và ông Ph cho rằng lý do không trả số tiền thay thiết bị trạm biến áp 250 KVA-22/0,4V, với tổng số tiền là 290.000.000 đồng, trong đó ông V yêu cầu ông Đ và ông Ph phải trả cho ông mỗi người là 96.666.000 đồng. Vì lý do, tự ông V thay không được sự đồng ý của 02 ông. Ông Đ, ông Ph còn cho rằng, việc quản lý, vận hành, thu chi từ đường điện ba pha kể từ năm 2018 đến nay đều do một mình ông V thực hiện nên ông Đ, ông Ph không còn trách nhiệm. Xét lời trình bày trên của các bị đơn ông Ph và ông Đ là thoái thác trách nhiệm, bởi qua hai lần họp bàn tổ điện, vào các ngày 28/02/2021 và ngày 11/4/2021 ông Đ, ông Ph đều đưa ra phương hướng thống nhất là “*khi nào có chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng sẽ thông báo cho nhân dân được biết*” (BL số 23). Như vậy, cả 03 ông gồm ông V, ông Đ và

ông Ph đều thống nhất chủ trương thay trạm biến áp cũ. Nguyên đơn ông V đã thực hiện mua lắp đặt mới trạm biến áp 250 KVA-22/0,4V, với tổng số tiền là 290.000.000 đồng là đúng chủ trương mà các cổ đông đã cam kết, với các hộ dân dùng điện đã ký trước. Như vậy lý do đưa ra của các bị đơn là không phù hợp với thực tế khách quan và bối cảnh của những hộ dân tại Thôn 1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cần có điện để tưới cà phê, mùa vụ 2021, nếu không thay trạm biến áp bị nổ thì toàn bộ diện tích cà phê của các hộ dân bị cháy hết. Mặt khác việc hợp tác cổ đông giữa ông V, ông Ph và ông Đ về mặt pháp lý và thực tế, chưa chấm dứt. Nên các bị đơn ông Ph và ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 193.332.000 đồng mà ông Nguyễn Ngọc V đã bỏ ra để thay thế trạm biến áp là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.3] Từ những nhận định trên: Cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V. Buộc các bị đơn cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 193.332.000 đồng. Cụ thể, ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 96.666.000 đồng. Về khoản tiền lãi xuất nguyên đơn ông V không yêu cầu giải quyết.

[2] Về án:

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo nên ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 4.833.000đ ông V đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 60AA/2021/0008597 ngày 19/4/2022 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2022/0004143 ngày 09/10/2023, đều nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. $96.666.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 4.833.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V – Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504, 505, 507, 508, 509 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V. Buộc bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph phải liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 193.332.000 đồng. Cụ thể ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 96.666.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

[2] Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, hoàn trả số tiền 4.833.000đ (Bốn triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số 60AA/2021/0008597 ngày 19/4/2022 và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số: AA/2022/0004143 ngày 09/10/2023.

Bị đơn ông Huỳnh Kim Đ, ông Võ Minh Ph mỗi người phải chịu 4.333.000đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk ;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Bằng